

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/TINPHAT/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Hộ kinh doanh cá thể Phạm Quốc Thái

Địa chỉ: 20B Đinh Tiên Hoàng, phường Diên Hồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0935944400

Fax:

Email:

Mã số doanh nghiệp: 39A8009034

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 26/2017/NNPTNT-GL ngày cấp 20/10/2017, nơi cấp Phòng Kinh tế thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bánh bông lan Tín Phát

2. Thành phần: Bột mì, men bánh mì, đường trắng, trứng. Không sử dụng phụ gia thực phẩm

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 07 ngày kể từ ngày sản xuất (in trên bao bì sản phẩm).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 100 gam/1 gói; 130 gam/1 gói; 150 gam/1 gói; 200 gam/1 gói; 250 gam/1 gói; 300 gam/1 gói; 400 gam/1 gói.

- Chất liệu bao bì: bì PE.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn dự kiến kèm theo)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 8-1:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Tiêu chuẩn Quốc gia số: TCVN 7406:2004 về bánh ngọt không kem.

Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y tế

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Gia Lai, ngày 20 tháng 8 năm 2018

CHỦ CƠ SỞ



PHẠM QUỐC THÁI

BÁNH BÔNG LAN
TÍN PHÁT

Thành phần cấu tạo: Bột mì, men bánh mì, đường trắng, trứng. Không sử dụng phụ gia thực phẩm.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để ăn ngay.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm bị mốc, quá hạn sử dụng hoặc có mùi, vị lạ.

Sản xuất tại: Hộ kinh doanh cá thể Phạm Quốc Thái

Địa chỉ: 20B Đinh Tiên Hoàng, phường Diên Hồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0935944400

Bản tự công bố số: 01/TINPHAT/2018

NSX: In trên bao bì sản phẩm

HSD: 07 ngày kể từ ngày sản xuất.

Khối lượng tịnh:

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/ No.: 171216865
Ngày/ Date: 02/01/2018

- | | |
|-------------------------------------|--|
| 1. Tên khách hàng/ Client's name: | HỘ KINH DOANH CÁ THỂ PHẠM QUỐC THÁI |
| 2. Địa chỉ/ Address: | 20B, Đinh Tiên Hoàng, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai |
| 3. Tên mẫu/ Name of sample: | Bánh bông lan Tin Phát |
| 4. Số niêm phong/ Seal No.: | Không niêm |
| 5. Mô tả mẫu/ Sample description: | Bánh bông lan chứa trong bao bì nhựa |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date: | 28/12/2017 |
| 7. Ngày phân tích/ Analysing date: | 28/12/2017 |
| 8. Kết quả thử nghiệm/ Test result: | |

Note/Ghi chú:

- (*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS
- Tên mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample is written as client's request.
 - Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid on tested sample only.
 - Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc công ty cổ phần Warrantek/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of Director of Warrantek.

Phòng kiểm nghiệm/ Laboratory



Nguyễn Hữu Truyền

Đại diện công ty/ On behalf of Warrantek



Phạm Bích Kiều

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/ No.: 171216865
Ngày/ Date: 02/01/2018

Stt/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Độ ẩm	%	23.81	TCVN 3700:1990 (*)
2	Tro không tan trong HCl	%	Không phát hiện (LOD=0.05)	ISO 5985:2002 (*)
3	Màu	-	Màu vàng đặc trưng của sản phẩm	WRT/TM/NC/01.40
4	Mùi, vị	-	Mùi thơm, vị ngọt đặc trưng của sản phẩm. Không có mùi, vị lạ	WRT/TM/NC/01.40
5	Trạng thái	-	Dạng khối, mềm	WRT/TM/NC/01.40
6	Béo tổng	%	8.34	TCVN 3703:2009 (*)
7	Chỉ số acid	mg KOH/g	0.18	AOAC 939.05
8	Deoxynivalenol	mg/kg	Không phát hiện (LOD=0.05)	WRT/TM/CH/01.20 (LC/MS/MS)
9	Zearalenone	mg/kg	Không phát hiện (LOD=0.02)	WRT/TM/CH/01.20 (LC/MS/MS)
10	Total Plate Count (30°C)	CFU/g	6.3×10^3	ISO 4833-1:2013 (*)
11	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	0	ISO 7251:2005 (*)
12	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	<10	ISO 7937:2004 (*)
13	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	<10	ISO 6888-1:1999/Amd1:2003 (*)
14	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	Không phát hiện	ISO 6579:2002/ Amd 1:2007 (*)
15	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	<10	FDA/BAM CHAPTER 18:2001
16	Lead (Pb)	mg/kg	Không phát hiện (LOD=0.04)	AOAC 2013.06 (*)
17	Cadmium (Cd)	mg/kg	Không phát hiện (LOD=0.025)	AOAC 2013.06 (*)
18	Mercury (Hg)	mg/kg	Không phát hiện (LOD=0.02)	AOAC 2013.06 (*)
19	Arsenic (As)	mg/kg	Không phát hiện (LOD=0.05)	AOAC 2013.06 (*)